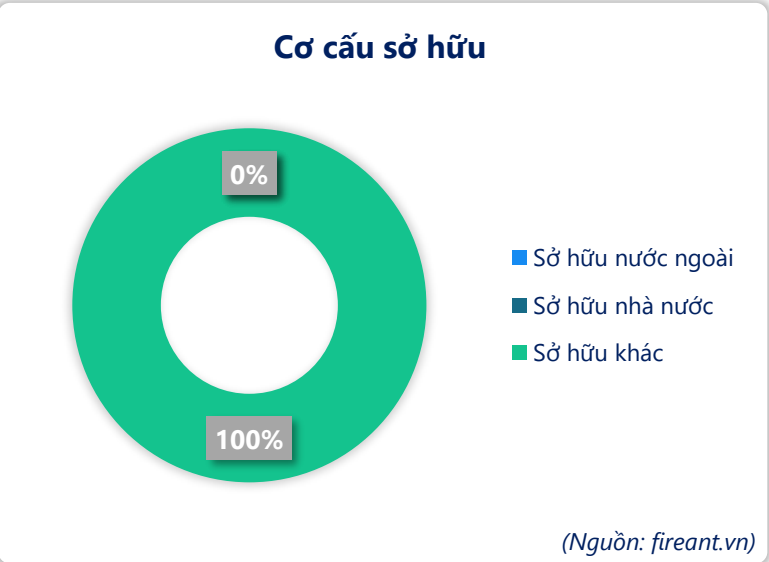
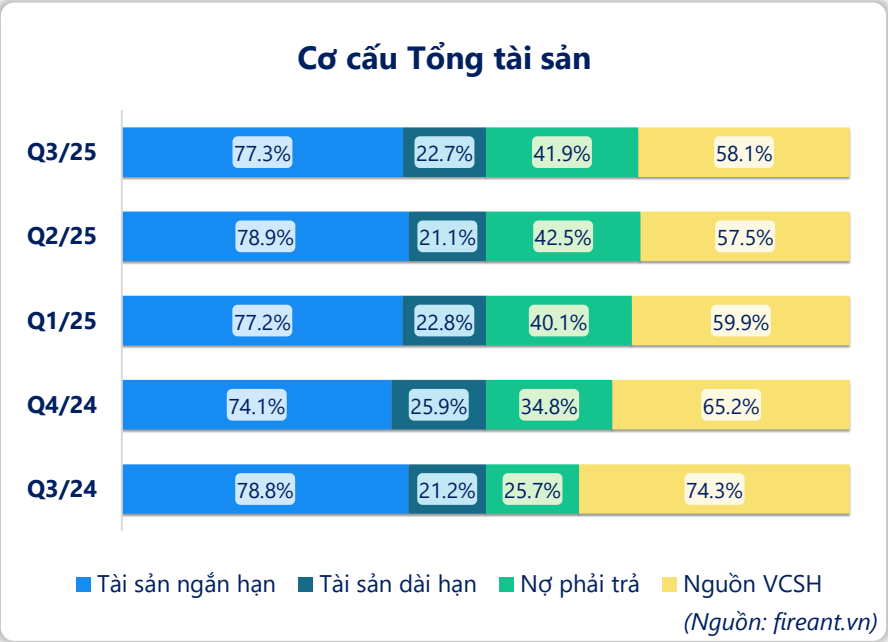
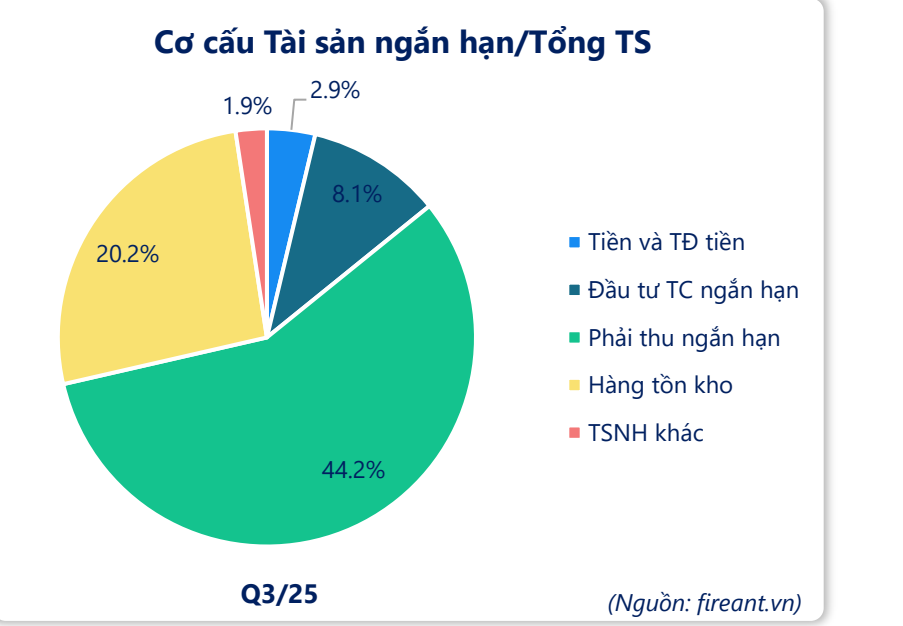
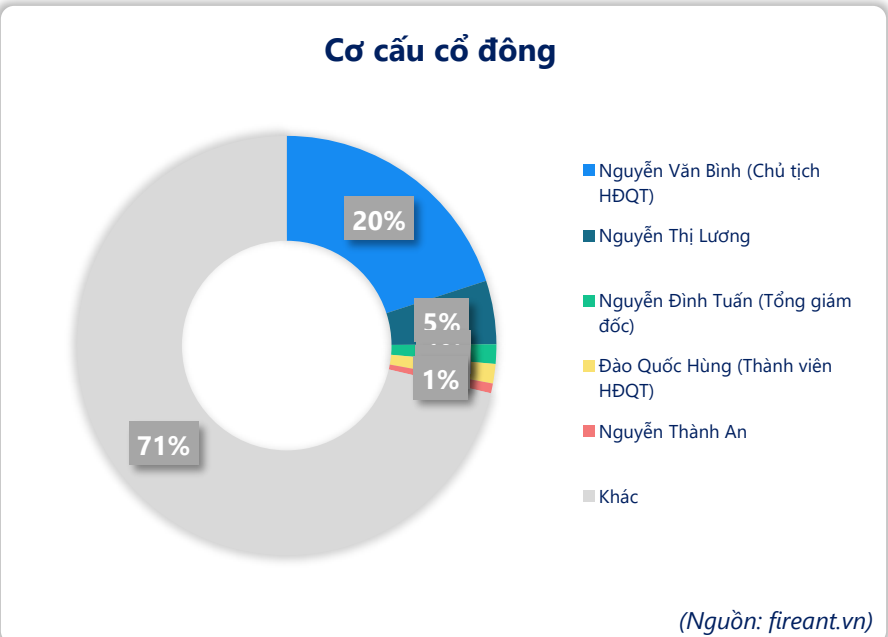
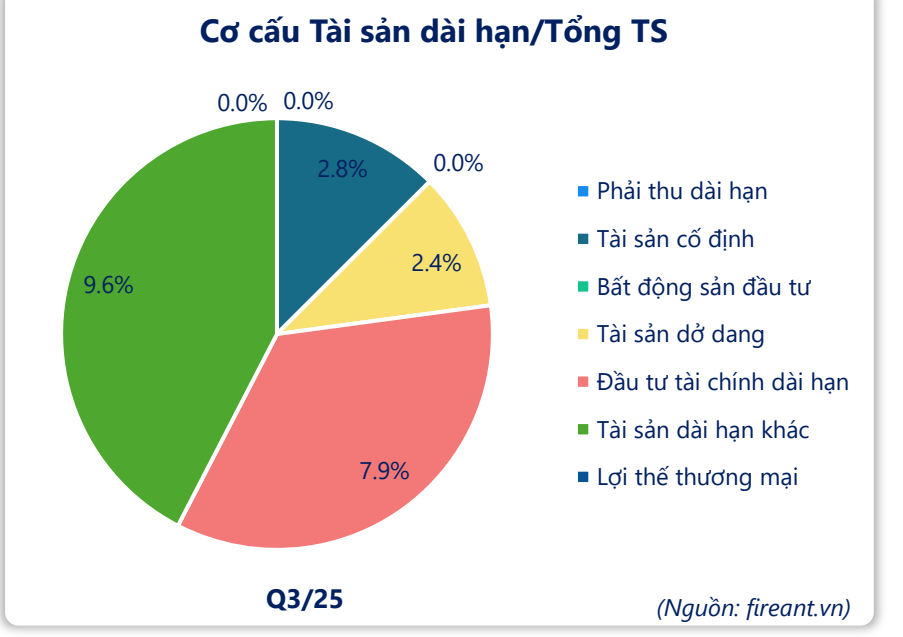
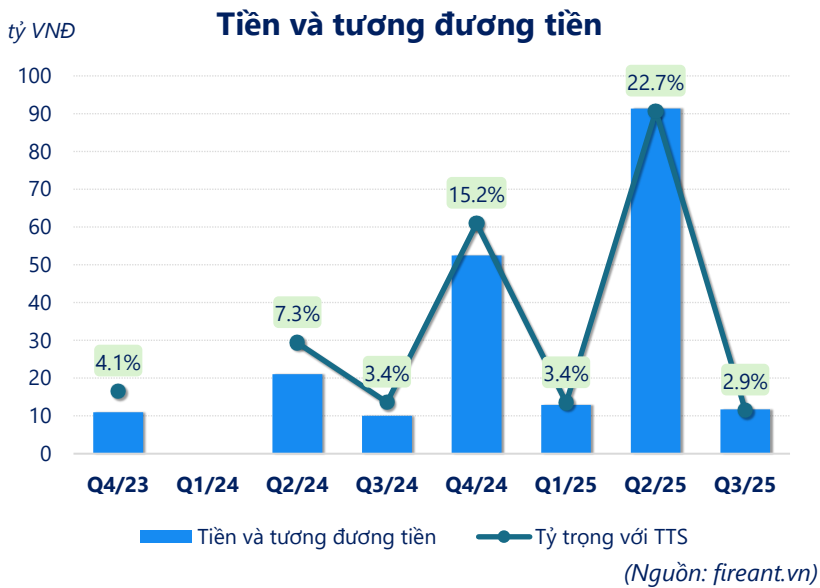
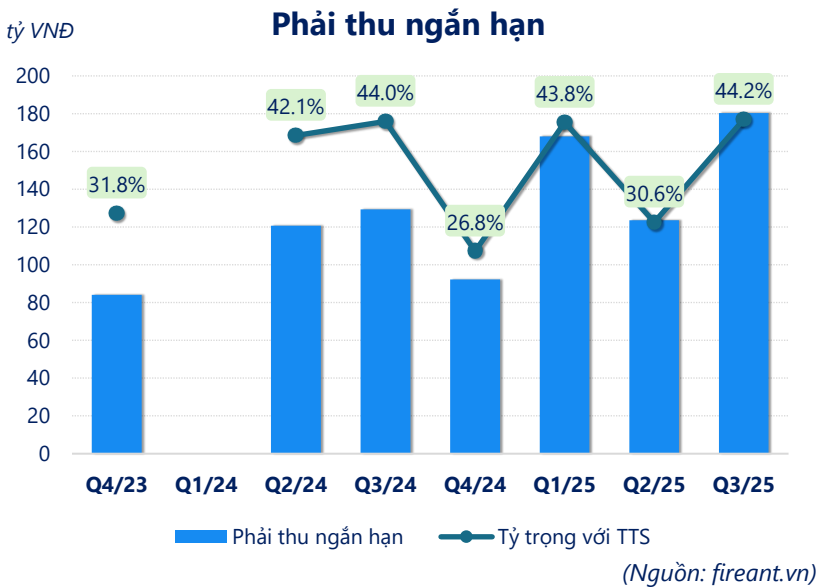
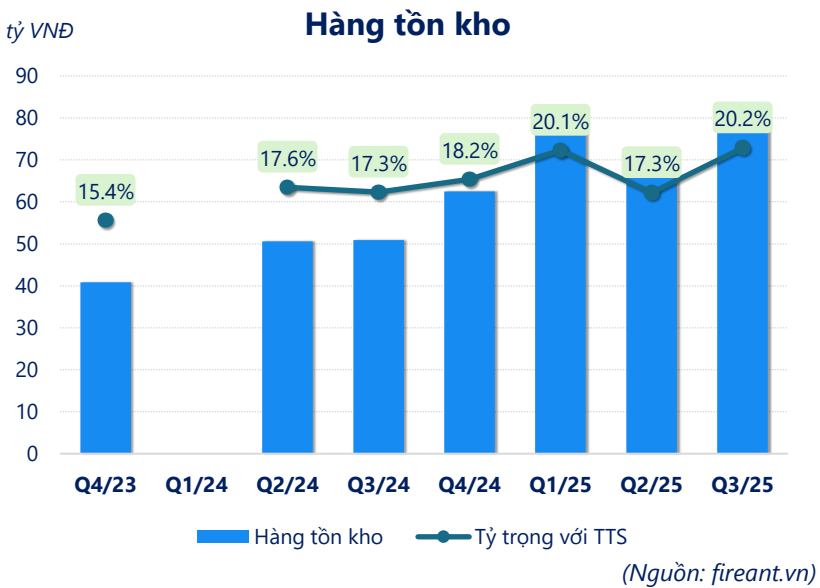
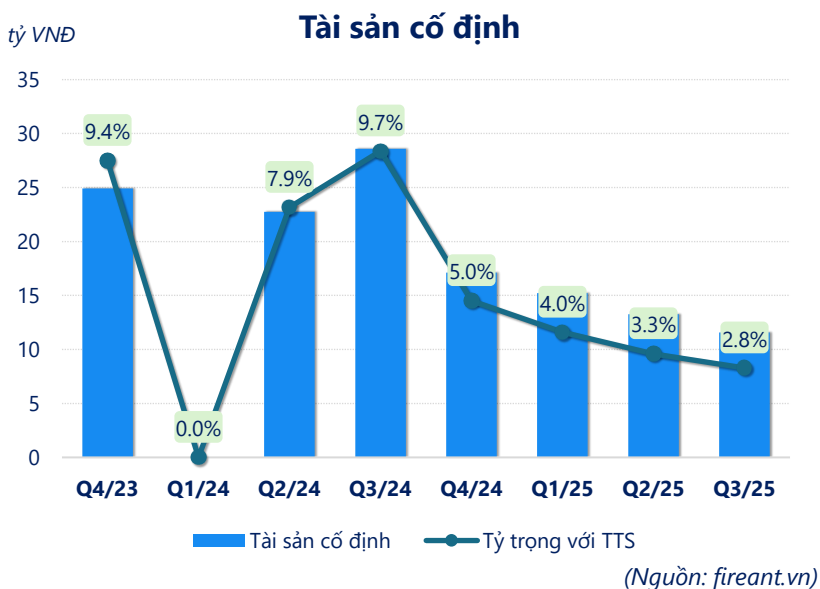
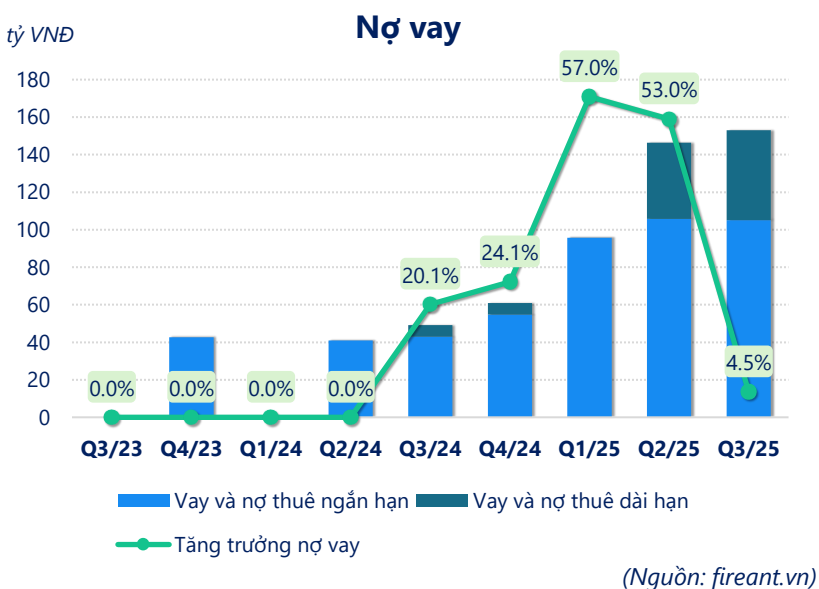
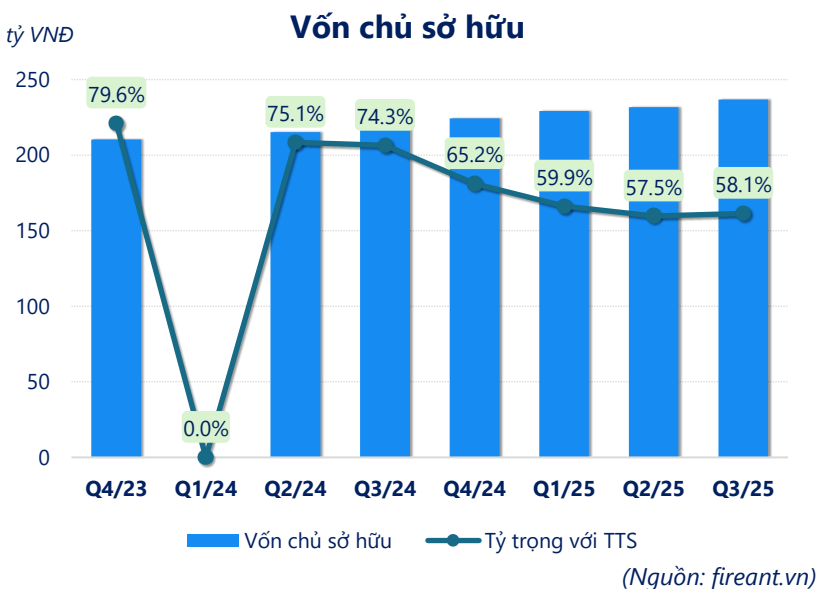
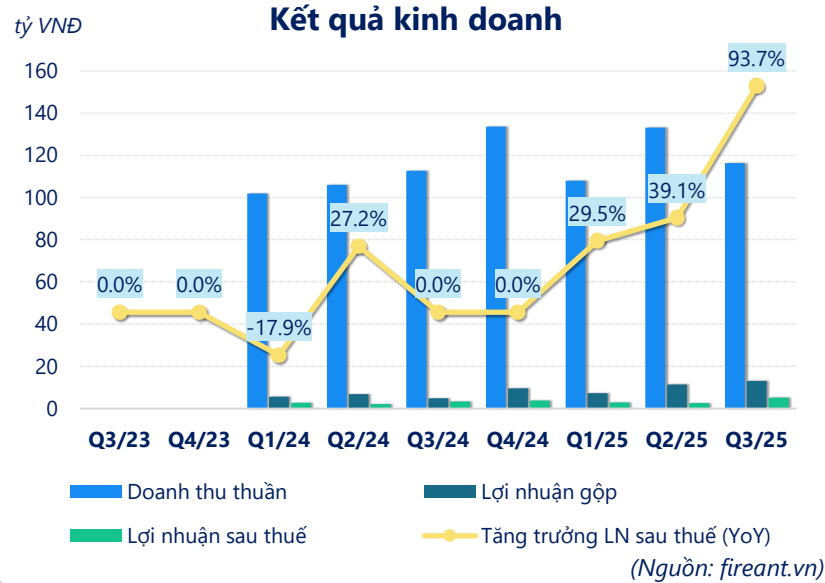
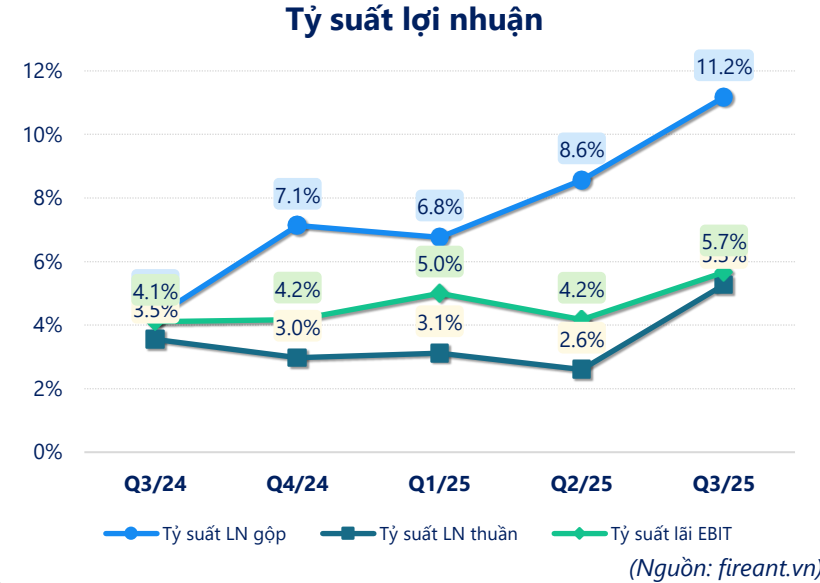
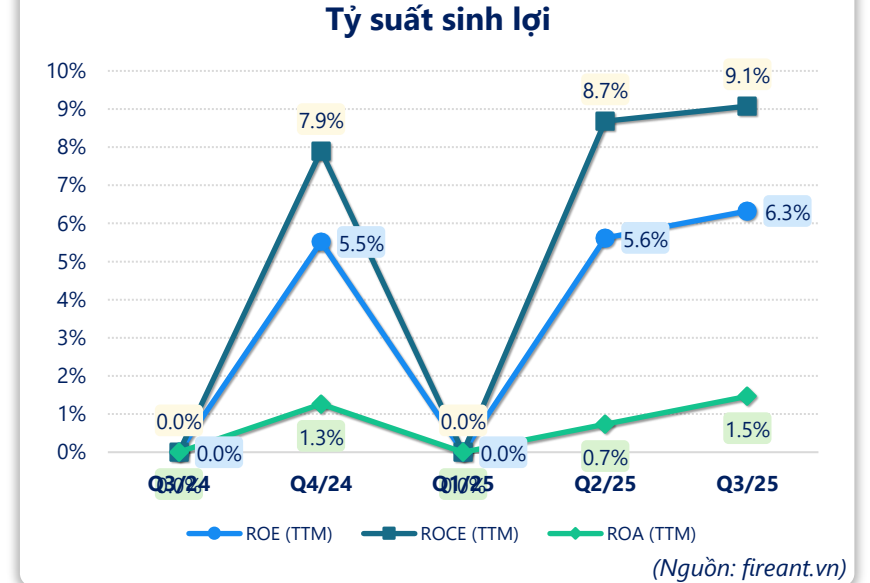
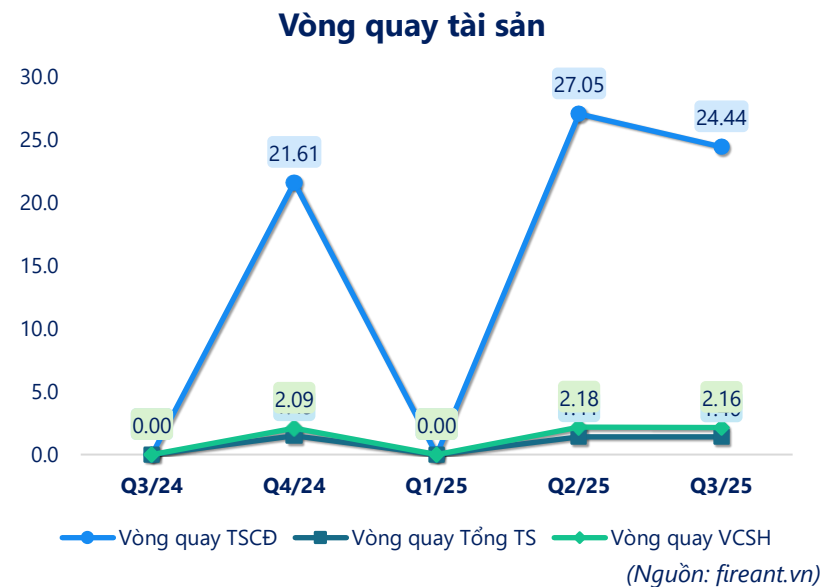
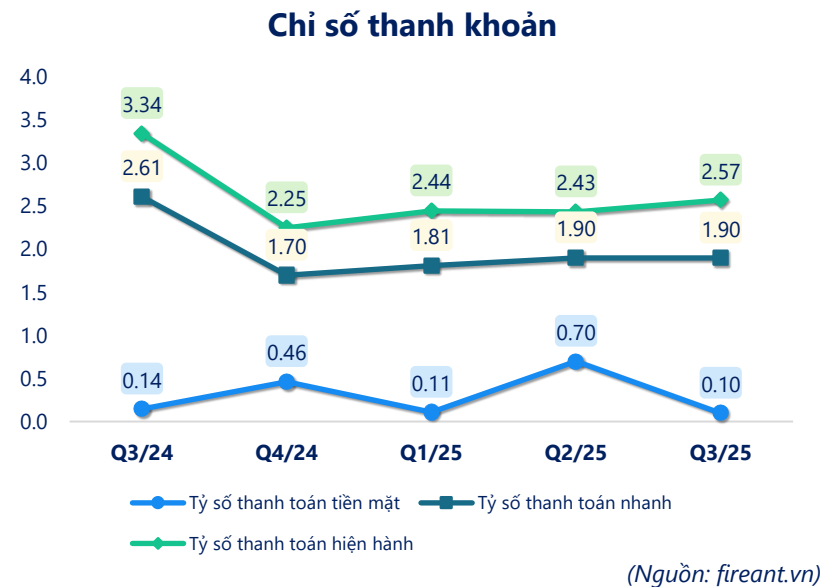
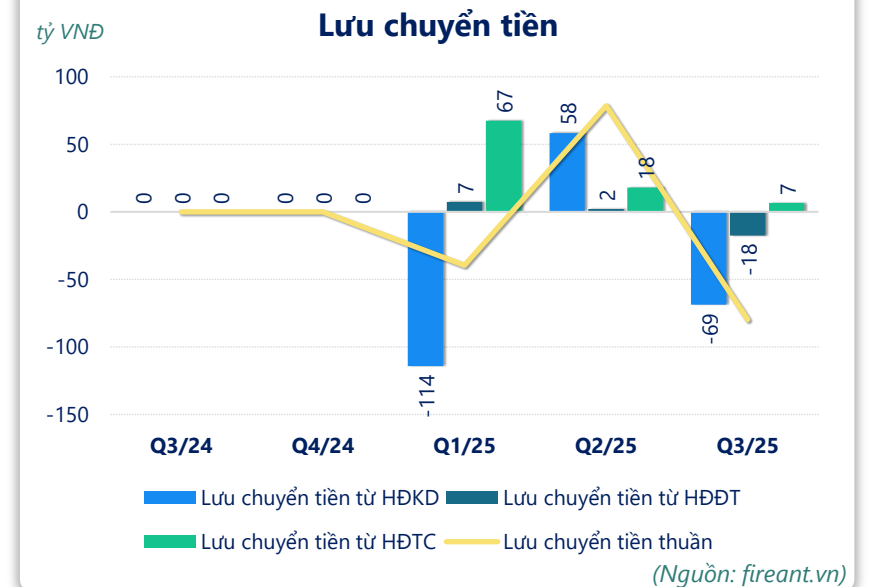


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60,260
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		574
P/E		39.9
EPS		720

	YTD	1T	3T	6T
ECO	86.4%	-15.6%	4.4%	88.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	19.8%	37.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	407	315	29.3%
Tài sản ngắn hạn	315	257	22.6%
Tiền và tương đương tiền	11.7	52.4	-77.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.9	45.4	-27.5%
Phải thu ngắn hạn	180	87.6	106%
Hàng tồn kho	82.5	68.9	19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.59	2.59	194%
Tài sản dài hạn	92.5	58.4	58.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.6	17.1	-32.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.58	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	32.1	32.0	0.3%
Tài sản dài hạn khác	39.2	9.25	324%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	171	90.8	87.8%
Nợ ngắn hạn	123	86.0	42.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	105	56.1	87.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.98	19.1	-47.7%
Nợ dài hạn	47.9	4.82	894%
Vay và nợ thuê dài hạn	47.9	4.82	894%
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	224	5.6%
Vốn chủ sở hữu	237	224	5.6%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	113	134	108	133	116
Giá vốn hàng bán	108	124	101	122	103
Lợi nhuận gộp	4.80	9.52	7.30	11.4	13.0
Doanh thu HĐTC	2.46	2.42	2.89	2.00	2.12
Chi phí TC	0.42	2.81	2.78	5.34	4.40
Chi phí lãi vay	0.58	0.78	1.64	2.21	0
LN trong công ty LKLD	0	0.01	0	0.11	0
Chi phí bán hàng	1.65	2.56	2.26	3.25	2.59
Chi phí QLDN	1.19	2.60	1.78	1.45	2.01
LN thuần từ HĐKD	3.99	3.98	3.37	3.46	6.12
Lợi nhuận khác	0.06	0.82	0.39	-0.12	0.46
LN trước thuế	4.05	4.80	3.76	3.35	6.58
Lợi nhuận sau thuế	3.30	3.84	2.87	2.52	5.13
LNST của CĐ cty mẹ	3.30	3.84	2.88	2.53	5.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-114	58.2	-68.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	7.38	2.18	-17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	67.4	18.1	6.61
Tiền đầu kỳ	0	0	52.4	12.9	91.4
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	-39.5	78.5	-79.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0.08
Tiền cuối kỳ	0	0	12.9	91.4	11.7

(Nguồn: fireant.vn)